

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:23/2022/DS-ST

Ngày: 18-01-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoa Kiều

Bà Nguyễn Thị Kiều Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 04/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2021)

Bị đơn: Anh **Triệu Minh T (tên thường gọi là A)**, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2021 của nguyên đơn Nguyễn Thị K và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Huỳnh N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị K (Tên thường gọi là U) có tham gia các dây hui do anh Triệu Minh T (Tên thường gọi là A) tổ chức hui, cụ thể:

- Dây hui 1.000.000 đồng/tháng, khai hui ngày 15/6/2018 (âm lịch), gồm 35 phần, bà K tham gia 02 phần, bà K đóng được 28 tháng hui sống thì anh T tuyên

bố vỡ hụi. Tổng cộng dây hụi này anh T nợ bà K số tiền 1.000.000đồng x 02 phần x 28 tháng = 56.000.000đồng.

- Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, khai hụi ngày 25/12/2019 (âm lịch), gồm 14 phần, bà K tham gia 02 phần, bà K đóng được 07 tháng hụi sống thì anh T tuyên bố vỡ hụi. Khi vỡ hụi, anh T nợ bà K số tiền 2.000.000đồng x 02 phần x 07 tháng = 28.000.000đồng. Sau đó, anh T có trả tiền cho bà K nhiều lần, tổng cộng 21.300.000đồng, anh T còn nợ lại số tiền 6.700.000đồng.

Anh T có viết xác nhận nợ bà K số tiền 56.000.000đồng và 6.700.000đồng, tổng cộng 62.700.000đồng và anh T hứa trả cho bà K mỗi tháng 2.000.000đồng nhưng anh T không thực hiện đúng lời hứa, mặc dù bà K đã nhiều lần yêu cầu anh T trả tiền.

Do đó, bà K khởi kiện yêu cầu anh T trả cho bà số tiền 62.700.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T đến tòa để tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Triệu Minh T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà K yêu cầu anh T trả số tiền nợ hụi với số tiền 62.700.000đồng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K yêu cầu anh Triệu Minh T trả số tiền hụi còn nợ 62.700.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì bà K có tham gia hai dây hụi do anh T tổ chức cụ thể: Dây hụi 1.000.000đồng/tháng, khai hụi ngày 15/6/2018 (âm lịch), gồm 35 phần, bà K tham gia 02 phần, bà K đóng được 28 tháng hụi sống thì anh T tuyên bố vỡ hụi. Tổng cộng dây hụi này anh T nợ bà K số tiền 1.000.000đồng x 02 phần x 28 tháng = 56.000.000đồng và Dây hụi 2.000.000đồng/tháng, khai hụi ngày 25/12/2019 (âm

lịch), gồm 14 phần, bà K tham gia 02 phần, bà K đóng được 07 tháng hội sống thì anh T tuyên bố vỡ hội. Khi vỡ hội, anh T nợ bà K số tiền 2.000.000đồng x 02 phần x 07 tháng = 28.000.000đồng. Sau đó, anh T có trả tiền cho bà K nhiều lần, tổng cộng 21.300.000đồng, anh T còn nợ lại số tiền 6.700.000đồng.

Anh T có viết xác nhận nợ bà K số tiền 56.000.000đồng và 6.700.000đồng, tổng cộng 62.700.000đồng.

Căn cứ Tờ giấy viết tay “Góp vốn xây Dòng 1.000.000đ hàng tháng Mở ngày: 15/6/2018 (ÂL)” do bà Nguyễn Thị K cung cấp, ở mặt sau của giấy này có ghi “ty còn thiếu lại 2 phần Hội 56,000,000tr” và “còn lại 2 phần Hội 2.000.000 là 6,700,000tr” “con hứa 1 tháng trả 2,000,000 trả dần”.

Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Triệu Minh T nhưng anh T vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của bà K. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như anh T không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà K.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà K có tham gia hai dây hội do anh T tổ chức cụ thể: Dây hội 1.000.000đồng/tháng, khai hội ngày 15/6/2018 (âm lịch), dây hội này anh T nợ bà K số tiền 56.000.000đồng; Dây hội 2.000.000đồng/tháng, khai hội ngày 25/12/2019 (âm lịch), anh T nợ bà K số tiền 28.000.000đồng, nhưng sau đó, anh T có trả tiền cho bà K nhiều lần được 21.300.000đồng, nên dây hội này anh T còn nợ lại số tiền 6.700.000đồng. Tổng cộng hai dây hội, anh T còn nợ lại bà K số tiền 62.700.000đồng và chưa trả số tiền này cho bà K. Do đó cần buộc anh T có nghĩa vụ trả số tiền 62.700.000đồng cho bà K.

[4] Về thời gian trả tiền: Bà K yêu cầu anh T trả số tiền hội 62.700.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Hiện anh T đã vỡ hội và nợ tiền của bà K quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà K nên Hội đồng xét xử buộc anh T có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền 62.700.000đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà K được Tòa án chấp nhận nên anh T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 về họ, hội, biểu, phường.

Căn cứ vào Điều 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hội, biểu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K (Tên thường gọi là U). Buộc anh Triệu Minh T (tên thường gọi là A) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 62.700.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng*). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị K có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu anh Triệu Minh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: anh Triệu Minh T phải chịu 3.135.000 đồng (Ba triệu một trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị K 1.567.500 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004977 ngày 11/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Linh